Mẫu số 27-HS (Ban hành theo NQ số 05/2017/NQ-HĐTP)

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲ CHÂU
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 96/2024/HS-ST
Ngày 27-11-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲ CHÂU, TỈNH NGHỆ AN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lô Văn Linh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Bá Lịch
Ông Vi Anh Tú

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Tăng Thành Vương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳ Châu, tỉnh Nghệ An.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳ Châu, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Hoàng Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Quỳ Châu, tỉnh Nghệ An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 88/2024/TLST-HS ngày 29 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2024/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 11 năm 2024 đối với:

- *Các bị cáo:*

1. Họ và tên: **Vi Văn T**. Tên gọi khác: Không.

Sinh ngày 18/6/2002 tại huyện Q H, tỉnh N A.

Nơi cư trú: Xóm T, xã Y H, huyện Q H, tỉnh N A. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: Lớp 9/12. Dân tộc: Thái. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Vi Văn T và bà Vi Thị D. Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/9/2024 cho đến nay. Có mặt.

2. Họ và tên: **Lương Văn C**. Tên gọi khác: Không.

Sinh ngày 02/3/2005 tại huyện Q C, tỉnh N A.

Nơi cư trú: Bản T K, xã C B, huyện Q C, tỉnh N A. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: Lớp 6/12. Dân tộc: Thái. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Lương Văn Q (đã chết) và bà Vi Thị T. Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/9/2024 cho đến nay. Có mặt.

- *Người bào chữa cho các bị cáo*: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang - Trợ giúp viên pháp lý. Chi nhánh trợ giúp pháp lý số 2, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- *Người bị hại:* Chị Phạm Thị H. Sinh năm 1976. Nơi cư trú: Khối T H, thị trấn T L, huyện Q C, tỉnh N A. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Học Văn H. Sinh năm 1995. Nơi thường trú: Bản X V, xã N M, huyện T D, tỉnh N A. Nơi ở hiện nay: Thôn 6, xã P L T, huyện M Đ, thành phố H N. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Tối ngày 02/9/2024, Vi Văn T điều khiển xe máy nhãn hiệu HONDA Wave màu sơn trắng, xanh, đen mang biển kiểm soát 37H1-172.16 (Xe của chị Vi Thị P là chị dâu của Vi Văn T) đi từ nhà ở xóm T, xã Y H, huyện Q H, tỉnh N A vào bản T K, xã C B, huyện Q C chơi thì gặp Lương Văn C. Tại đây C rủ T lên xã C T, huyện Q C chơi thì T đồng ý, T điều khiển xe máy chở C lên xã C T chơi sau đó đi về, đến khoảng 04 giờ sáng ngày 03/9/2024 khi cả hai đi qua khu vực khối T H, thị trấn T L, huyện Q C thì xe máy của T hết xăng nên hai người xuống dắt bộ xe máy đi tìm chỗ đổ xăng. Khi đi qua nhà chị Phạm Thị H thì nhìn thấy trong sân có dựng chiếc xe máy và không có ai xung quanh nên đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. T rủ C trộm cắp chiếc xe máy để lấy xăng và bán xe máy lấy tiền tiêu xài thì C đồng ý. T nói C đứng bên ngoài cổng cảnh giới, còn T thì trèo qua bờ tường lẻn vào trong sân, lấy chìa khóa ở trên bàn uống nước mở cổng nhà và dắt chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA Wave RSX màu đỏ, đen, trắng mang biển kiểm soát 37G1-041.05 ra ngoài, C dắt xe máy của T rồi cả hai đi về. Sau khi đi được một đoạn đường thì cả hai người dừng lại, T lấy một đoạn ống dây tio từ trong cốp xe máy vừa trộm được dùng hút xăng từ xe máy vừa trộm sang xe máy của T. Sau đó T điều khiển xe máy trộm cắp được đi về nhà T, còn C điều khiển xe máy của T đi về nhà C. Khoảng 15 giờ ngày 03/9/2024 T điều khiển xe máy trộm được trước đó đi đến huyện M Đ, thành phố H N và bán chiếc xe máy này cho anh Học Văn H với giá 2.500.000^{đ} (Hai triệu, năm trăm nghìn đồng), số tiền này T đã tiêu xài cá nhân hết. Khoảng 10 giờ ngày 03/9/2024 C đã đến Công an huyện Quỳ Châu đầu thú. Sáng ngày 04/9/2024 T bị Công an bắt giữ khẩn cấp.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 37/KL-HĐĐGTS ngày 04/9/2024 của Hội đồng định giá tài sản UBND huyện Quỳ Châu, tỉnh Nghệ An kết luận: 01 (một) chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA loại Wave RSX, dung tích xilanh 109 cm^3, số máy JC52B5228753, số khung 5227CY73162, màu sơn trắng đỏ đen, xe đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết bên trong có trị giá là 10.000.000^{đ} (Mười triệu đồng).

Cáo trạng số 91/CT-VKS-QC ngày 29/10/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳ Châu, tỉnh Nghệ An đã quyết định truy tố Vi Văn T và Lương Văn C ra trước Tòa án để xét xử về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh và điều luật như nội dung Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt Vi Văn T từ 09 đến 12 tháng tù về tội ''Trộm cắp tài sản''; Khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt Lương Văn C từ 06 đến 09 tháng tù về tội ''Trộm cắp tài sản''.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung và buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Về vật chứng và trách nhiệm dân sự: Người bị hại là chị Phạm Thị H đã nhận lại tài sản là chiếc xe máy do các bị cáo trộm cắp, chị H không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì nên miễn xét. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Học Văn H đã mua chiếc xe máy với Vi Văn T nhưng anh H không yêu cầu T bồi thường nên không xem xét thêm, sau này nếu anh H có yêu cầu bị cáo bồi thường thì sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án khác theo thủ tục tố tụng dân sự. Đối với chiếc xe máy do T sử dụng là xe của chị Vi Thị P (Chị dâu của T), quá trình điều tra đã trả lại xe máy cho chị P nên không xem xét thêm.

Ý kiến trình bày của người bào chữa cho các bị cáo: Nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng và khung hình phạt. Tuy nhiên, các bị cáo người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có nhiều tệ nạn xã hội phức tạp. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội thì Lương Văn C đã ra đầu thú. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 54; Điều 58; (Lương Văn C áp dụng thêm khoản 2 Điều 51) của Bộ luật hình sự, xử phạt Vi Văn T từ 03 đến 07 tháng tù; Lương Văn C từ 03 đến 06 tháng tù đều về tội ‘‘Trộm cắp tài sản’’. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung và buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung truy tố của Cáo trạng, không có ý kiến gì trong phần tranh luận và không bổ sung thêm ý kiến gì vào bản bào chữa của người bào chữa mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Quỳ Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳ Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong giai đoạn điều tra và truy tố đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Xét thấy, quá trình điều tra đã có đầy đủ lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong hồ sơ vụ án. Do đó sự vắng mặt không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ vào Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[3]. Về căn cứ xác định hành vi phạm tội của các bị cáo: Qúa trình điều tra và tại phiên tòa đã xác định được vào khoảng 04 giờ ngày 03/9/2024, các bị cáo đang trên đường đi chơi về thì xe máy hết xăng, khi cả hai dắt xe máy đi qua khu vực nhà của

chị Phạm Thị H ở khối T H, thị trấn T L, huyện Q C thì nhìn thấy chiếc xe máy dựng trong sân nhà chị H, xung quanh không có ai nên T rủ C trộm cắp chiếc xe máy để bán lấy tiền tiêu xài thì C đồng ý. C đứng bên ngoài cổng cảnh giới, còn T trèo qua bờ tường rào lẻn vào trong sân nhà chị H và dắt trộm chiếc xe máy đi ra ngoài. Sau khi các bị cáo dắt hai chiếc xe máy đi được một đoạn đường thì dừng lại, T lấy trong cốp chiếc xe vừa trộm được ra một đoạn ống tio rồi hút xăng từ xe vừa trộm được sang xe máy của T, sau đó T điều khiển xe máy trộm được đi về nhà T, C điều khiển xe máy của T về nhà C. Đến chiều ngày 03/9/2024 T đã bán chiếc xe máy trộm cắp được cho anh Học Văn H với số tiền 2.500.000đ (Hai triệu, năm trăm nghìn đồng), sau đó T đã chi tiêu cá nhân hết số tiền này.

Thấy rằng lời khai của các bị cáo tại phiên tòa và trong quá trình điều tra là thống nhất với nhau, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa. Các bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 chiếc xe máy của chị Phạm Thị H có trị giá 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Vì vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận: Các bị cáo Vi Văn T và Lương Văn C đã phạm vào tội ‘‘Trộm cắp tài sản’’ theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự đúng như nội dung truy tố của Cáo trạng.

Đối với anh Học Văn H là người đã mua chiếc xe máy với Vi Văn T, quá trình điều tra xác định được anh H không biết chiếc xe máy do trộm cắp mà có nên anh H không phải chịu trách nhiệm hình sự.

[4]. Xét tính chất của vụ án, vai trò của các bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Vụ án thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội có tính chất đồng phạm giản đơn, nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bản thân các bị cáo tuổi đời còn trẻ, có sức khỏe, không chịu khó lao động sản xuất, làm ăn lương thiện mà lại kiếm tiền từ hành vi phạm pháp luật. Các bị cáo có đủ nhận thức nhất định để biết được rằng tài sản của người khác là bất khả xâm phạm nhưng vẫn lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu để chiếm đoạt nhằm phục vụ cho nhu cầu của cá nhân mình. Hành vi phạm tội của các bị cáo không những đã xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây bất bình trong dư luận quần chúng nhân dân.

Vi Văn T là người có vai trò chính, đã chủ động rủ rê Lương Văn C trộm cắp tài sản, T là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội từ đầu đến cuối, đồng thời là người trực tiếp đem chiếc xe máy trộm cắp được đi bán cho anh Học Văn H với số tiền 2.500.000đ (Hai triệu, năm trăm nghìn đồng) và đã chi tiêu cá nhân hết.

Lương Văn C sau khi được T rủ rê thì không những không ngăn cản mà còn đồng ý, C thực hiện hành vi phạm tội với vai trò thứ yếu, giúp sức cho T, C không được T chia đồng nào sau khi T bán chiếc xe đã trộm cắp được.

Vì vậy, T phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn so với C. Xét thấy cần phải xử phạt nghiêm và có mức hình phạt tương xứng với mức độ, hành vi phạm tội của từng bị cáo nhằm răn đe, cải tạo giáo dục và phòng ngừa chung. Cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có đủ điều kiện cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người lương thiện, sống có ích cho gia đình và xã hội.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ thái độ ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội Lương Văn C đã ra đầu thú. Đó là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ phần nào về hình phạt cho các bị cáo khi lượng hình.

[5] Hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định: ‘‘Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền…’’. Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo điều kiện kinh tế khó khăn, không có tài sản và không có khả năng thi hành án. Vì vậy, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại chị Phạm Thị H đã nhận lại tài sản là chiếc xe máy và không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì nên miễn xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Học Văn H không yêu cầu Vi Văn T bồi thường số tiền mà anh H đã mua chiếc xe máy do T trộm cắp mà có nên không xem xét thêm, sau này nếu anh H có yêu cầu bồi thường thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ án khác theo thủ tục tố tụng dân sự.

[7] Về xử lý vật chứng:

- 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA Wave RSX, màu trắng đỏ đen mang biển kiểm soát 37G1-041.05 là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của chị Phạm Thị H nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị H theo quy định nên không xem xét nữa.

- 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA Wave màu trắng xanh đen mang biển kiểm soát 37H1-172.16 là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của chị Vi Thị P (là chị dâu của Vi Văn T), chị P không biết T sử dụng chiếc xe máy vào việc trộm cắp tài sản, do đó Cơ quan điều tra đã trả lại xe máy cho chị P theo quy định nên không xem xét nữa.

[8] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật hình sự, xử phạt **Vi Văn T** 12 (Mười hai) tháng tù về tội ‘‘Trộm cắp tài sản’’. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam là ngày 04/9/2024.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật hình sự, xử phạt **Lương Văn C** 07 (Bảy) tháng tù về tội ‘‘Trộm cắp tài sản’’. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam là ngày 03/9/2024.

3. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội. Buộc Vi Văn T và Lương Văn C mỗi bị cáo phải chịu 200.000^{đ} (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo, người bị hại. Các bị cáo, người bị hại được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt người có quyền lợi

nghĩa vụ liên quan, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND h Quỳ Châu, VKSND tỉnh Nghệ An;
- Công an huyện Qùy Châu;
- Bộ phân HSNV Công an huyện Qùy Châu;
- Phòng KTNV&THAHS TAND tỉnh Nghệ An;
- Sở tư pháp tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THADS h.Quỳ Châu;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Yên Hợp, huyện Qùy Hợp;
- UBND xã Châu Bình, huyện Quỳ Châu;
- Các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo;
- Bị hại, người có quyền lợi NVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án, Lưu VP.

Lô Văn Linh